| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH TRÌ**<br>**TP HÀ NỘI**<br>-------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>---------- |

Bản án số: 43/2019/DSST
Ngày: 24/9/2019
*V/v tranh chấp: Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI**
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Mai Thu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Bùi Xuân Đãng

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa***: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Lưu Loan A** - SN 1980 (vắng mặt)

ĐKHKTT: ngõ Q, xóm 1, thôn Q, xã V, huyện T, TP Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: phòng 324, số 142 đường L, phường K, quận Đ, TP Hà Nội

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*:

Bà Trần Phương A - SN 1989 (căn cước công dân số 001189017434)

Luật sư Công ty Luật TNHH L và Cộng sự; trụ sở: phòng 324, số 142 đường L, phường K, quận Đ, TP Hà Nội (bà Phương A có mặt)

- *Bị đơn*: **Ông Trần Tiến Đ** - SN 1975 (có mặt)

ĐKHKTT+nơi cư trú: ngõ Q, xóm 1, thôn Q, xã V, huyện T, TP Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/11/2018 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Lưu Loan A trình bày:*

Bà và ông Trần Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/1998 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại thôn Q, xã V, huyện T, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do ông Đ trước đây có mắc nghiện ma túy, bà đã giúp chồng cai nghiện nhưng sau khi cai nghiện về thì ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không nghĩ đến tình cảm vợ chồng và công sức của bà trong việc chăm sóc con cái, gia đình. Do không thể hòa hợp nên bà và ông Đ đã sống ly thân hơn một năm, bà đã ra ngoài thuê nhà sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông Đ.

Về con chung: vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Phi L sinh ngày 21/01/2000 và cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003, hiện hai cháu đang sống với ông Đ tại thôn Q, xã V, huyện T, TP Hà Nội. Hiện nay cháu L đã đủ tuổi để định đoạt việc cháu ở với ai. Còn cháu H do chưa đủ 18 tuổi nên sau khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu H và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng ba triệu đồng

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng bà tự thỏa thuận và bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Tại văn bản ngày 23/7/2019 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Trần Tiến Đ trình bày:*

Ông và bà Lưu Loan A đăng ký kết hôn ngày 01/6/1998 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống với bố mẹ chồng tại thôn Q, xã V, huyện T, TP Hà Nội. Vợ chồng ông bán hàng ăn tại nhà để sinh sống. Trong cuộc sống chung, vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng hơn một năm, bà Loan A tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do, chỉ nói là do vợ chồng không hợp, từ khi bỏ đi cũng không về thăm con cái ngày nào. Nay bà Loan A xin ly hôn, ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn, ông mong muốn vợ quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Ông sẵn sàng đón vợ về nhà và đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của bà Loan A.

Về con chung: ông Đ xác nhận vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Trần Phi L sinh ngày 21/01/2000 và cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003, hiện hai cháu đang sống với ông. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có quan điểm về con chung, nhưng nếu trường hợp phải ly hôn thì ông xin nuôi cháu Trần Long H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Phi L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung: ông không có yêu cầu gì.

*Tại phiên toà hôm nay:*

Đối với bà Loan A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Bà Trần Phương A có quan điểm: hiện nay bà Lưu Loan A không có mặt tại địa phương, đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Loan A được ly hôn. Về con chung, bà Loan A xin được nuôi cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003 và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, đối với cháu Trần Phi L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, bà Loan A không yêu cầu Tòa xem xét.

Ông Trần Tiến Đ có quan điểm: ông không muốn ly hôn, nhưng nếu vợ ông cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung, nếu ly hôn ông xin được nuôi cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003 và không yêu cầu bà Loan A cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Phi L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Về tài sản chung ông không có yêu cầu gì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn là bà Lưu Loan A vắng mặt liên tục nhiều lần không lý do. Bà Loan A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Bà Lưu Loan A và ông Trần Tiến Đ kết hôn và có đăng ký ngày 01/6/1998 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 12/11/2018, bà Lưu Loan A gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xin ly hôn ông Trần Tiến Đ (đơn gửi qua đường bưu điện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì nhận đơn ngày 15/11/2018). Sau khi thụ lý vụ án, ngày 18/3/2019, bà Loan A có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì và có bản tự khai về việc ly hôn như sau: Về quan hệ hôn nhân bà Lưu Loan A xin ly hôn ông Trần Tiến Đ; Về con chung: bà Loan A xin được nuôi con chung là cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003 sau ly hôn và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 3.000.000 đồng, còn cháu Trần

Phi L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu gì; Về tài sản chung: bà không có yêu cầu gì.

[2] Ngày 29/3/2019, bà Loan A trực tiếp nộp đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại Tòa án với nội dung: bà yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất thổ cư tại thửa số 07-4, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m2 tại thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì đã trực tiếp giao giấy triệu tập cho bà Loan A đến Tòa vào hồi 14 giờ ngày 05/4/2019 để giải quyết vụ án và giao nộp bổ sung các tài liệu chứng cứ cho việc yêu cầu chia tài sản chung, nhưng ngày 05/4/2019, bà Loan A vắng mặt không có lý do.

[3] Ngày 04/4/2019, TAND huyện Thanh Trì nhận được đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện (nhận qua đường bưu điện cùng ngày) phía dưới được cho là chữ ký của bà Loan Anh, có nội dung: xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung vợ chồng (BL 66)

[4] Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã nhiều lần gửi giấy triệu tập hợp lệ cho bà Loan Anh qua đường bưu điện (các văn bản này bà Loan A đều đã nhận được, thể hiện tại các BL 75, 81) và yêu cầu bà Loan A phải trực tiếp có mặt tại trụ sở TAND huyện Thanh Trì vào hồi 14 giờ ngày 16/4/2019 (BL 71,72) và vào hồi 14 giờ ngày 01/7/2019 (BL 77,78) để làm rõ những yêu cầu thay đổi nói trên có phải là của bà Loan A hay không. Tuy nhiên bà Loan A đều vắng mặt không có lý do.

[5] Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì rất nhiều lần ra thông báo về việc yêu cầu bà Lưu Loan A phải có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, cụ thể là vào các ngày: 14 giờ ngày 01/8/2019 (BL 84,85,86), 14 giờ ngày 14/8/2019 (BL 97). Các thông báo này (và các giấy triệu tập kèm theo) đều đã được tống đạt tập hợp lệ cho bà Loan A theo các địa chỉ mà bà Loan A yêu cầu. Tuy nhiên bà Loan A đều vắng mặt không có lý do.

[6] Theo các tài liệu có trong hồ sơ: ngày 06/3/2019, tại Văn phòng Công chứng B, bà Lưu Loan A lập "Giấy ủy quyền" số công chứng 431.2019/GUQ, Quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD, có nội dung: bà Lưu Loan A ủy quyền cho bà Trần Phương A thay mặt để thực hiện một số công việc tại Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 85 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng. Như vậy, trong vụ án ly hôn này, việc nguyên đơn là bà Lưu Loan A ủy quyền cho bà Trần Phương A là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, các hoạt động tố tụng của bà Trần Phương A với tư cách đại diện theo ủy quyền cho bà Lưu Loan A không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Trì nhận được các văn bản (bằng đường bưu điện) được gửi đến từ Công ty Luật TNHH Lê Hồng H và Cộng sự, có địa chỉ tại phòng 324, số 142 đường L, phường K, quận Đ, TP Hà Nội, cụ thể là các đơn đề nghị, đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, văn bản trả lời yêu cầu của Tòa án, đơn xin vắng mặt, văn bản trình bày xuất xứ tài liệu, văn bản xác nhận… Phía dưới các văn bản này có chữ ký được cho là của bà Lưu Loan A. Tuy nhiên, bà Loan A đã không có mặt tại trụ sở TAND huyện Thanh Trì để làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ để khẳng định các ý kiến trong văn bản này chính là ý kiến của bà Lưu Loan A. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận các tài liệu này.

[8] Tại phiên tòa, bà Trần Phương Anh trình bày nếu được ly hôn ông Đ thì bà Lưu Loan A xin được nuôi con chung là cháu Trần Long H sinh ngày 21/12/2003 và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 18/3/2018 (BL 55), bà Lưu Loan A yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu H là 3.000.000 đồng một tháng. Như vậy, lời trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của bà Trần Phương A tại phiên khác với lời khai của bà Lưu Loan A ngày 18/3/2019. Nhưng bà Loan A không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể làm rõ được ý kiến của bà Phương A có đúng là ý kiến của bà Loan A hay không.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn là bà Lưu Loan A đã không chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự, liên tục thay đổi quan điểm nhưng vắng mặt nhiều lần liên tục không có lý do, ủy quyền cho người khác thay mặt tham gia tố tụng không đúng pháp luật. Vì vậy được coi là bà Lưu Loan A tự từ bỏ việc khởi kiện và Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Lưu Loan A có quyền khởi kiện lại vụ án thep quy định của pháp luật

[10] Về con chung và tài sản chung: do vụ án bị đình chỉ giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung và tài sản chung.

[11] Về thủ tục tố tụng: Bà Lưu Loan A đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tục không có do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với nguyên đơn là phù hợp với Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

**Về án phí**: bà Lưu Loan A phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Về quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 218, điểm a khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 26 - Luật Thi hành án

***Xử*:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" giữa nguyên đơn là bà Lưu Loan A và bị đơn là ông Trần Tiến Đ

2. Về án phí: sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà Lưu Loan A đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008576 ngày 08/3/2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Loan A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Trần Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội*
- *VKSND TP Hà Nội*
- *TAND TP Hà Nội*
- *Các đương sự*
- *THA huyện T, TP Hà Nội.*
- *Lưu HS vụ án*

**Đỗ Thị Mai Thu**

| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH TRÌ**<br>**TP HÀ NỘI**<br>-------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>---------- |

Bản án số: 43/2019/DSST
Ngày: 24/9/2019
*V/v tranh chấp: Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI**
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Mai Thu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Bùi Xuân Đãng

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa***: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Lưu Loan Anh** - SN 1980 (vắng mặt).

ĐKHKTT: ngõ Quỳnh Lân II, xóm 1, thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: phòng 324, số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*:

Bà Trần Phương Anh - SN 1989 (căn cước công dân số 001189017434)

Luật sư Công ty Luật TNHH Lê Hồng Hiển và Cộng sự; trụ sở: phòng 324, số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội (bà Phương Anh có mặt)

- *Bị đơn*: **Ông Trần Tiến Đại** - SN 1975 (có mặt).

ĐKHKTT+nơi cư trú: ngõ Quỳnh Lân II, xóm 1, thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/11/2018 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Lưu Loan Anh trình bày:*

Bà và ông Trần Tiến Đại kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/1998 tại UBND xã Nga Sơn, huyện Nga Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do ông Đại trước đây có mắc nghiện ma túy, bà đã giúp chồng cai nghiện nhưng sau khi cai nghiện về thì ông Đại có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không nghĩ đến tình cảm vợ chồng và công sức của bà trong việc chăm sóc con cái, gia đình. Do không thể hòa hợp nên bà và ông Đại đã sống ly thân hơn một năm, bà đã ra ngoài thuê nhà sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông Đại.

Về con chung: vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Phi Long sinh ngày 21/01/2000 và cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003, hiện hai cháu đang sống với ông Đại tại thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh. Hiện nay cháu Long đã đủ tuổi để định đoạt việc cháu ở với ai. Còn cháu Hải do chưa đủ 18 tuổi nên sau khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu Hải và yêu cầu ông Đại cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng ba triệu đồng

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng bà tự thỏa thuận và bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Tại văn bản ngày 23/7/2019 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Trần Tiến Đại trình bày:*

Ông và bà Lưu Loan Anh đăng ký kết hôn ngày 01/6/1998 tại UBND xã Nga Sơn, huyện Nga Thủy, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống với bố mẹ chồng tại thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội. Vợ chồng ông bán hàng ăn tại nhà để sinh sống. Trong cuộc sống chung, vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng hơn một năm, bà Loan Anh tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do, chỉ nói là do vợ chồng không hợp, từ khi bỏ đi cũng không về thăm con cái ngày nào. Nay bà Loan Anh xin ly hôn, ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn, ông mong muốn vợ quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Ông sẵn sàng đón vợ về nhà và đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của bà Loan Anh.

Về con chung: ông Đại xác nhận vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Trần Phi Long sinh ngày 21/01/2000 và cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003, hiện hai cháu đang sống với ông. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có quan điểm về con chung, nhưng nếu trường hợp phải ly hôn thì ông xin nuôi cháu Trần Long Hải và không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Phi Long đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung: ông không có yêu cầu gì.

*Tại phiên toà hôm nay:*

Đối với bà Loan Anh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Bà Trần Phương Anh có quan điểm: hiện nay bà Lưu Loan Anh không có mặt tại địa phương, đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Loan Anh được ly hôn. Về con chung, bà Loan Anh xin được nuôi cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003 và yêu cầu ông Đại cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, đối với cháu Trần Phi Long đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, bà Loan Anh không yêu cầu Tòa xem xét.

Ông Trần Tiến Đại có quan điểm: ông không muốn ly hôn, nhưng nếu vợ ông cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung, nếu ly hôn ông xin được nuôi cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003 và không yêu cầu bà Loan Anh cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Phi Long đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Về tài sản chung ông không có yêu cầu gì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn là bà Lưu Loan Anh vắng mặt liên tục nhiều lần không lý do. Bà Loan Anh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Bà Lưu Loan Anh và ông Trần Tiến Đại kết hôn và có đăng ký ngày 01/6/1998 tại UBND xã Nga Sơn, huyện Nga Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 12/11/2018, bà Lưu Loan Anh gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xin ly hôn ông Trần Tiến Đại (đơn gửi qua đường bưu điện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì nhận đơn ngày 15/11/2018). Sau khi thụ lý vụ án, ngày 18/3/2019, bà Loan Anh có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì và có

bản tự khai về việc ly hôn như sau: Về quan hệ hôn nhân bà Lưu Loan Anh xin ly hôn ông Trần Tiến Đại; Về con chung: bà Loan Anh xin được nuôi con chung là cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003 sau ly hôn và yêu cầu ông Đại cấp dưỡng nuôi cháu Hải mỗi tháng là 3.000.000 đồng, còn cháu Trần Phi Long đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu gì; Về tài sản chung: bà không có yêu cầu gì.

[2] Ngày 29/3/2019, bà Loan Anh trực tiếp nộp đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại Tòa án với nội dung: bà yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất thổ cư tại thửa số 07-4, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m2 tại thôn Quỳnh Lân, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì đã trực tiếp giao giấy triệu tập cho bà Loan Anh đến Tòa vào hồi 14 giờ ngày 05/4/2019 để giải quyết vụ án và giao nộp bổ sung các tài liệu chứng cứ cho việc yêu cầu chia tài sản chung, nhưng ngày 05/4/2019, bà Loan Anh vắng mặt không có lý do.

[3] Ngày 04/4/2019, TAND huyện Thanh Trì nhận được đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện (nhận qua đường bưu điện cùng ngày) phía dưới được cho là chữ ký của bà Loan Anh, có nội dung: xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung vợ chồng (BL 66)

[4] Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã nhiều lần gửi giấy triệu tập hợp lệ cho bà Loan Anh qua đường bưu điện (các văn bản này bà Loan Anh đều đã nhận được, thể hiện tại các BL 75, 81) và yêu cầu bà Loan Anh phải trực tiếp có mặt tại trụ sở TAND huyện Thanh Trì vào hồi 14 giờ ngày 16/4/2019 (BL 71,72) và vào hồi 14 giờ ngày 01/7/2019 (BL 77,78) để làm rõ những yêu cầu thay đổi nói trên có phải là của bà Loan Anh hay không. Tuy nhiên bà Loan Anh đều vắng mặt không có lý do.

[5] Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì rất nhiều lần ra thông báo về việc yêu cầu bà Lưu Loan Anh phải có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, cụ thể là vào các ngày: 14 giờ ngày 01/8/2019 (BL 84,85,86), 14 giờ ngày 14/8/2019 (BL 97). Các thông báo này (và các giấy triệu tập kèm theo) đều đã được tống đạt tập hợp lệ cho bà Loan Anh theo các địa chỉ mà bà Loan Anh yêu cầu. Tuy nhiên bà Loan Anh đều vắng mặt không có lý do.

[6] Theo các tài liệu có trong hồ sơ: ngày 06/3/2019, tại Văn phòng Công chứng Bảo Việt, bà Lưu Loan Anh lập "Giấy ủy quyền" số công chứng 431.2019/GUQ, Quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD, có nội dung: bà Lưu Loan Anh ủy quyền cho bà Trần Phương Anh thay mặt để thực hiện một số công việc tại Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 85 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng. Như vậy, trong vụ án ly hôn này, việc nguyên đơn là bà

Lưu Loan Anh ủy quyền cho bà Trần Phương Anh là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, các hoạt động tố tụng của bà Trần Phương Anh với tư cách đại diện theo ủy quyền cho bà Lưu Loan Anh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Trì nhận được các văn bản (bằng đường bưu điện) được gửi đến từ Công ty Luật TNHH Lê Hồng Hiển và Cộng sự, có địa chỉ tại phòng 324, số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội, cụ thể là các đơn đề nghị, đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, văn bản trả lời yêu cầu của Tòa án, đơn xin vắng mặt, văn bản trình bày xuất xứ tài liệu, văn bản xác nhận… Phía dưới các văn bản này có chữ ký được cho là của bà Lưu Loan Anh. Tuy nhiên, bà Loan Anh đã không có mặt tại trụ sở TAND huyện Thanh Trì để làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ để khẳng định các ý kiến trong văn bản này chính là ý kiến của bà Lưu Loan Anh. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận các tài liệu này.

[8] Tại phiên tòa, bà Trần Phương Anh trình bày nếu được ly hôn ông Đại thì bà Lưu Loan Anh xin được nuôi con chung là cháu Trần Long Hải sinh ngày 21/12/2003 và yêu cầu ông Đại cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 18/3/2018 (BL 55), bà Lưu Loan Anh yêu cầu ông Đại cấp dưỡng nuôi cháu Hải là 3.000.000 đồng một tháng. Như vậy, lời trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của bà Trần Phương Anh tại phiên khác với lời khai của bà Lưu Loan Anh ngày 18/3/2019. Nhưng bà Loan Anh không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể làm rõ được ý kiến của bà Phương Anh có đúng là ý kiến của bà Loan Anh hay không.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn là bà Lưu Loan Anh đã không chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự, liên tục thay đổi quan điểm nhưng vắng mặt nhiều lần liên tục không có lý do, ủy quyền cho người khác thay mặt tham gia tố tụng không đúng pháp luật. Vì vậy được coi là bà Lưu Loan Anh tự từ bỏ việc khởi kiện và Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Lưu Loan Anh có quyền khởi kiện lại vụ án thep quy định của pháp luật

[10] Về con chung và tài sản chung: do vụ án bị đình chỉ giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung và tài sản chung.

[11] Về thủ tục tố tụng: Bà Lưu Loan Anh đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tục không có do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với nguyên đơn là phù hợp với Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

**Về án phí**: bà Lưu Loan Anh phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Về quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 218, điểm a khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 26 - Luật Thi hành án

***Xử*:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" giữa nguyên đơn là bà Lưu Loan Anh và bị đơn là ông Trần Tiến Đại

2. Về án phí: sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà Lưu Loan Anh đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008576 ngày 08/3/2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Loan Anh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Trần Tiến Đại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**